

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn,
quyền nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Kim Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn
2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Giang - kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Kim Thị Thanh H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: khóm X, phường X, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn:* Ông Kim Nhật Th, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khóm X, phường X, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Kim Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kim Thị Thanh H trình bày:

Vào năm 2012 bà và ông Kim Nhật Th kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn

số 97/2012, ngày 29/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau và có 01 con chung tên Kim Nhật T, sinh ngày 04/01/2014. Thời gian sau cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn cách sống không hợp nhau, thường xảy ra cãi vã, bà và ông Th cũng đã ngồi lại để xem xét, hàn gắn tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên vẫn xảy ra mâu thuẫn, cách sống giữa bà và ông Th vẫn bất đồng, không hòa thuận nên bà và ông Th đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông Kim Nhật Th.

- Về con chung: Bà H và ông Th có 01 con chung tên Kim Nhật T, sinh ngày 04/01/2014 bà H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Kim Nhật Th vắng mặt, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2022 ông Th trình bày và có yêu cầu như sau:

Vào năm 2012 ông và bà Kim Thị Thanh H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Trà Vinh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với gia đình bà H tại khóm X, phường X, thành phố Trà Vinh và có 01 con chung tên Kim Nhật T, sinh ngày 04/01/2014. Trong quá trình chung sống thì giữa ông và bà H cũng có phát sinh nhiều mâu thuẫn và ông cũng đã dọn ra ở riêng không còn sống chung với bà H. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H và yêu cầu được nuôi con Kim Nhật T, ông và bà H không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

Con chung Kim Nhật T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày có nguyện vọng được sống chung với bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn thì vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35;

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Kim Nhật Th là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Kim Nhật Th.

[3] Về hôn nhân: bà Kim Thị Thanh H và ông Kim Nhật Th có đăng ký kết hôn do đó đã xác lập quan hệ hôn nhân đúng theo quy định của Luật hôn nhân, gia đình. Qua đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng hơn, bà và ông Th đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà H kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn, ông Th khi Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông Th vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2022 thì ông Th thừa nhận giữa ông và bà H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông đã dọn ra sống riêng và ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Từ những căn cứ nêu trên, thì mâu thuẫn của bà H và ông Th là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà H yêu cầu ly hôn với ông Th là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà H và ông Th có 01 con chung tên Kim Nhật T, sinh ngày 04/01/2014 bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Xét thấy, từ trước đến nay bà H vẫn đảm bảo nuôi dạy con tốt. Do đó, chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà H, giao con tên Kim Nhật T cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho bà Kim Thị Thanh H biết về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng bà Kim Thị Thanh H không yêu cầu ông Kim Nhật Th cấp dưỡng nuôi con tên Kim Nhật T nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông Th khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Kim Thị Thanh H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Kim Thị Thanh H và ông Kim Nhật Th.
2. Về con chung: Giao con chung tên Kim Nhật T, sinh ngày 04/01/2014 cho bà Kim Thị Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Kim Nhật Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Kim Thị Thanh H và ông Kim Nhật Th khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Kim Thị Thanh H và ông Kim Nhật Th khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Kim Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0007504 ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Bà Kim Thị Thanh H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS TP.Trà Vinh;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Huỳnh Kim Triều

